

PHẦN THỨ NHẤT
CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ 120 NĂM
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH ĐẮK
(22/11/1904 - 22/11/2024)

I- KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK

1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Đắc Lắc nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp Phú Yên và Khánh Hoà; phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắc Nông; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia; có đường biên giới dài 71,972 km; diện tích 13.125,37 km².

Đắc Lắc có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Giao thông có cả đường bộ và đường hàng không; Quốc lộ 14 nối Đắc Lắc với các tỉnh phía Nam và phía Bắc, là con đường huyết mạch từ Pleiku tỉnh Gia Lai qua trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột xuống tỉnh Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc lộ 26 nối thành phố Buôn Ma Thuột với các huyện Krông Pắc, Ea Kar, M'Đrăk đến tỉnh Khánh Hòa; Quốc lộ 27 nối trung tâm tỉnh với các huyện Cư Kuin, huyện

Lắc và thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng). Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột được đầu tư, nâng cấp, thường xuyên đón các đoàn khách quốc tế và trong nước.

Tuy ở gần đường xích đạo, nhưng điều kiện địa hình đã tạo cho Đắk Lắk có khí hậu mát mẻ, ôn hòa hơn so với nhiều tỉnh khác. Có diện tích đất bazan chiếm trên 1/3 tổng diện tích đất toàn tỉnh, thích hợp với cây công nghiệp dài ngày và cây lấy gỗ. Đặc biệt cây cà phê, cây cao su, cho năng suất và chất lượng cao. Đắk Lắk có diện tích rừng và trữ lượng gỗ lớn, với nhiều loại gỗ quý; có các cánh rừng nguyên sinh rộng lớn với hệ động, thực vật phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại với số lượng lớn. Đặc biệt, có Vườn Quốc gia Yok Đôn và Chư Yang Sin, khu bảo tồn Nam Kar, rộng hàng trăm ngàn héc-ta, là nơi bảo vệ các loại động vật quý hiếm ở nước ta.

Tỉnh Đắk Lắk có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng như: Hồ Lắk, là hồ tự nhiên nằm ở giữa một thung lũng đẹp và thơ mộng, là hồ nước ngọt lớn nhất Tây Nguyên; nhiều thác nước đẹp, hùng vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho tỉnh Đắk Lắk như: thác Dray Nur; thác Dray Sáp; thác Krông Kmar; thác Thủy Tiên; thác Dray H'Linh...; Khu du lịch sinh thái Buôn Đôn với cầu treo mộc mạc nhưng hấp dẫn với khách du lịch trong nước và quốc tế; Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Nhà Đày Buôn Ma Thuột, nơi chứng tích về tội ác của đế quốc, thực dân, thể hiện khí phách kiên cường của các chiến sĩ cộng sản;

Di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Đình Lạc Giao, nơi thành lập Ủy ban quân quản thị xã Buôn Ma Thuột... những danh lam, thắng cảnh và di tích lịch sử nêu trên đã tạo cho tỉnh Đắk Lắk có một tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch.

2. Đặc điểm xã hội

Theo kết quả điều tra năm 2019, dân số của tỉnh có 1.869.322 người, là tỉnh có dân số đứng đầu khu vực Tây Nguyên. Trong đó, dân cư cư trú ở khu vực thành thị là 462.013 và khu vực nông thôn là 1.407.309 người. Mật độ dân số bình quân chung của toàn tỉnh là 143,5 người/km² (tăng 10,86 người/km² so với năm 2009). Trong 10 năm (2009 - 2019), tỷ lệ tăng dân số bình quân toàn tỉnh là 0,75%/năm, thấp hơn tỷ lệ tăng dân số bình quân năm của cả nước (1,145%). Mật độ dân số phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, trung tâm các huyện, thị xã.

Đắk Lắk có 49 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 35,7% dân số toàn tỉnh (*riêng đồng bào DTTS tại chỗ Êđê, M'Nông, Gia Rai chiếm hơn 20%*) và các DTTS từ các tỉnh khác di cư đến (*Mông, Dao, Thái, Nùng, Tày...*); tỷ lệ đồng bào DTTS theo tôn giáo chiếm 40,5%, phân bố rải rác tại 184 xã, phường, thị trấn và 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố (*trong đó có 556 buôn*) thuộc 15 huyện, thị xã, thành phố. Trong những năm gần đây, dân số của Đắk Lắk có biến động do tăng cơ học, chủ yếu là di dân tự do, điều này đã gây

nên sức ép lớn cho tỉnh về giải quyết đất ở, đất sản xuất và các vấn đề xã hội, an ninh trật tự và môi trường sinh thái.

Đắk Lắk có nền văn hóa lâu đời và đặc sắc, văn học dân gian phát triển sớm với nhiều thể loại: Truyện thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn, tiêu biểu sâu sắc cho cách nhìn, cách hiểu, những cảm xúc, tâm tư hoài bão của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh nói chung và những bản sử thi như Trường ca Đam San, Xing Nhã, Đam Kteh của dân tộc thiểu số Tây nguyên nói riêng... không chỉ là niềm tự hào của nhân dân Đắk Lắk - Tây Nguyên, mà còn là những viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, không gian văn hóa cồng chiêng ở Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung là di sản văn hóa quý báu đã được Tổ chức Văn hóa - Khoa học - Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản phi vật thể của nhân loại (25/11/2005).

Có thể khẳng định, trong suốt chiều dài lịch sử 120 năm hình thành và phát triển, cộng đồng các dân tộc tỉnh luôn đoàn kết, chung sức, đồng lòng, ứng phó với thiên nhiên, vượt qua mọi khó khăn thử thách để vươn lên trong cuộc sống. Từ một vùng đất hoang sơ, nhưng với đức tính cần cù, lao động sáng tạo, tinh thần đoàn kết, nhân dân các dân tộc tỉnh từ thế hệ này qua thế hệ khác đã chung tay xây dựng tạo nên một tỉnh Đắk Lắk trù phú và tươi đẹp như ngày hôm nay.

II- LỊCH SỬ HÌNH THÀNH TỈNH ĐẮK LẮK ¹

1. Giai đoạn trước năm 1904

Đắk Lắk là một vùng đất cổ, có dấu ấn của con người từ Thời đại đồ đá cũ, cách ngày nay hàng vạn năm. Từ trước khi thực dân Pháp chính thức xâm lược Việt Nam (1858), vùng đất Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng, do vị trí địa lí, do đặc điểm cư dân và các tập tục truyền thống nên hầu như cách biệt với vùng đất duyên hải ven biển miền Trung Việt Nam và các nước láng giềng về mặt văn hóa.

Về mặt địa giới hành chính, do vị trí nằm ở ngã ba của các quốc gia vùng Đông Dương, luôn chịu sự tranh chấp giữa các thế lực bên ngoài với các tộc người bản địa, giữa các thế lực xâm lược đó với nhau, nên vùng đất này chịu sự xáo trộn về ranh giới địa lí. Có thể nói, trước thế kỉ XV, vùng đất Đắk Lắk chưa có một hệ thống hành chính hoàn chỉnh, về cơ bản vẫn là vùng đất được vận hành theo luật tục của các buôn làng độc lập.

Năm 1471, khi vua Lê Thánh Tông vào phương Nam đánh bại Champa, nhà vua đặt vùng đất Tây Nguyên là nước Nam Bàn, một phiên quốc của Đại Việt. Sau khi triều Nguyễn được thành lập vào đầu thế kỷ XIX, quan hệ giữa các tộc người ở Tây Nguyên và Đắk Lắk nói riêng với chính quyền nhà Nguyễn có bước phát triển mới tích cực.

¹ Theo Địa chí Đắk Lắk, NXB Khoa học Xã hội - 2015, Tr 36 - 39; Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930 -2020).

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, sau khi dập tắt được phong trào Cần Vương, thực dân Pháp đã cử các phái đoàn lên Tây Nguyên điều tra, khảo sát tình hình dưới các hình thức truyền đạo hoặc nghiên cứu dân tộc học. Cũng từ đó, không ít lần Pháp đã đưa quân đội lên Tây Nguyên với ý đồ chiếm đóng vùng đất này. Ngày 16/10/1888, Khâm sứ Trung kỳ Bovlloche buộc triều đình Huế sắp đặt vùng Tây Nguyên dưới sự đặc trách của người Pháp. Ngày 31/01/1899, Toàn quyền Đông Dương đã ban hành Nghị định thành lập cơ sở hành chính tại Bản Đôn để làm thí điểm cho cuộc bình định ở Cao nguyên Tây phần.

Ngày 22/11/1904, trước phong trào đấu tranh bền bỉ và quyết liệt của Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên và sức ép của triều đình nhà Nguyễn, Toàn quyền Đông Dương buộc phải ban hành Nghị định thành lập một tỉnh mới đặt dưới quyền hành chính và chính trị của Khâm sứ Trung kỳ lấy tên là tỉnh Đắk Lắk. Địa bàn tỉnh Đắk Lắk bao gồm các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú tại phía Tây các tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà. Sau khi thực dân Pháp thành lập các tỉnh Kon Tum và Đồng Nai Thượng thì cương vực của tỉnh Đắk Lắk như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, phía Nam giáp tỉnh Đồng Nai thượng và phía Tây giáp Campuchia.

Như vậy, với Nghị định ngày 22/11/1904, Đắk Lắk chính thức trở thành một trong 20 tỉnh Trung kỳ và một trong 73 tỉnh,

thành phố Việt Nam thời Pháp thuộc. Sự kiện này mang tính pháp lý, xác nhận chủ quyền lãnh thổ quốc gia trọn vẹn của Việt Nam, cột mốc đánh dấu sự thành lập tỉnh Đắk Lắk.

2. Giai đoạn từ năm 1904 đến năm 1945

Ngày 09/02/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Kon Tum (trước là đại lý Kon Tum trực thuộc Tòa công sứ Quy Nhơn), bao gồm Đại lý Kon Tum tách khỏi tỉnh Bình Định, Đại lý Cheo Reo tách từ tỉnh Phú Yên và Đại lý Đắk Lắk.

Ngày 02/7/1923, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách Đại lý Đắk Lắk khỏi tỉnh Kon Tum để thành một tỉnh độc lập. Lúc mới thành lập, tỉnh chưa được chia thành các huyện, tổng mà chỉ có đơn vị làng dựa theo các buôn làng có sẵn của các dân tộc thiểu số, bao gồm: người Êđê có 151 làng, người Bih có 24 làng, người Gia Rai có 11 làng, người Krung có 28 làng, người M'dhur có 120 làng, người Mnông có 117 làng, người Xiêm 1 làng. Đến năm 1930, tỉnh Đắk Lắk được chia thành 4 khu (secteur): Buôn Ma Thuột (tỉnh lỵ), Mnông (bờ trái sông Sêrêpôk), Buôn Phyl và M'Léang. Năm 1931, trong cuộc cải cách hành chính toàn Đông Dương, địa bàn tỉnh Đắk Lắk được chia thành 5 quận là Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Đắk Song, Lắk và M'Đrăk; tỉnh lỵ đóng tại Buôn Ma Thuột.

Ngày 09/4/1934, Khâm sứ Trung Kỳ ban hành Nghị định chia Đắk Lắk thành 24 tổng (carton), đứng đầu các tổng là Cai

tổng. Theo số liệu thống kê năm 1936 (Annuaire Statistique de L'Indochine), tỉnh Đắk Lắk có diện tích 21.300km², dân số 106.000 người, bao gồm 30 tổng, 576 xã.

Ngày 06/01/1942, Khâm sứ Trung Kỳ ra Nghị định số 3268 chia Đắk Lắk thành 3 quận (Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Lắk), 2 đại lý (M'Đrăk, Đắk Dam).

3. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975

Về phía ta: Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Về hành chính, cả nước được chia thành 3 bộ (Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ) với 73 đơn vị hành chính cấp tỉnh (thành phố, khu đặc biệt). Tỉnh Đắk Lắk thuộc Trung Bộ. Sau đó, để thống nhất chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tỉnh Đắk Lắk được đặt thuộc Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ.

Sau Hiệp định Giơnevơ, từ năm 1954 - 1960, Đắk Lắk trực thuộc Quân khu V, gồm 7 huyện, thị xã là M'Đrăk, đông Cheo Reo, tây Cheo Reo, Buôn Hồ, Lắk, Đắk Mil và thị xã Buôn Ma Thuột. Để tăng cường sự chỉ đạo đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các địa bàn phía nam tỉnh Đắk Lắk, đầu năm 1960, Liên Khu ủy V quyết định chia tỉnh Đắk Lắk ra làm 4 đơn vị riêng: B3, B4, B5, B6. B3 (bắc Đắk Lắk) bao gồm 4 huyện: M'Đrăk, đông Cheo Reo, tây Cheo Reo và Buôn Hồ; B4 (Quảng Đức) gồm các huyện Đắk Mil, Đức Xuyên của Đắk Lắk và Khiêm Đức, Kiến Đức của Lâm Đồng và Phước Long. B5 bao gồm

huyện Lắk và một số vùng bắc Lạc Dương, Đức Trọng, một số làng thuộc Đức Xuyên và một số làng nam đường 21. B6 gồm có 3 huyện nông thôn (ven thị xã) và thị xã Buôn Ma Thuột, hai huyện bắc và nam thị xã với mật danh K61, K62, một huyện phía tây thị xã gọi là K63 gồm toàn bộ phía Bắc và phần lớn phía nam huyện Đăk Mil (Đức Lập). Thị xã Buôn Ma Thuột (chủ yếu là nội thị) gọi là K64.

Tháng 6/1963, thi hành Chỉ thị của Khu ủy VI, Đăk Lắk điều chỉnh lại địa bàn chỉ đạo, giải thể đơn vị B6, sáp nhập thị xã Buôn Ma Thuột và vùng nông thôn phía nam thị xã (K62) và B5 thành đơn vị tỉnh B5 mới (nam Đăk Lắk) có phạm vi rộng lớn hơn gồm 5 vùng nông thôn, mỗi vùng có ban cán sự vùng chỉ đạo và thị xã Buôn Ma Thuột. Tháng 10/1963, để thống nhất chỉ đạo trong nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa và đường hành lang, Khu ủy VI quyết định sáp nhập tỉnh Quảng Đức vào Đăk Lắk.

Tháng 10/1965, trước những chuyển biến của phong trào cách mạng tại Đăk Lắk, Khu ủy quyết định giải thể Liên tỉnh ủy B3, B5, đồng thời hợp nhất các đơn vị thành tỉnh Đăk Lắk, đặt dưới sự chỉ đạo của Khu ủy V. Tỉnh Đăk Lắk lúc này gồm: vùng M'Đrăk mang mật danh H1 (huyện 1), vùng đông Cheo Reo (H2), vùng tây Cheo Reo (H3), vùng đông Buôn Hồ (H4), vùng tây Buôn Hồ (H5), vùng Buôn Ma Thuột (H6), vùng Phú Bồn thuộc đông Cheo Reo (H7- sau nhập với H3 thành H37), vùng nam đường 21 (H8), vùng Krông Bông (H9), vùng Lắk (H10).

Đến đầu năm 1975, tỉnh Đắk Lắk có 2 thị xã là Buôn Ma Thuột và Cheo Reo, cùng 11 huyện theo thứ tự từ H1 đến H11 (gần như tương ứng với địa giới các quận, thị của đối phương). Đó là huyện H1 (M'Đrăk - Khánh Dương), H2 (đông Cheo Reo - Phú Túc), H3 (tây Cheo Reo - Phú Nhơn, Phú Thiện, Thuần Mẫn), H4 (Buôn Hồ, đông đường 14), H5 (gồm phía bắc Buôn Ma Thuột và tây Buôn Hồ), H6 (thị xã Buôn Ma Thuột), H7 (thị xã Cheo Reo, có lúc nhập với tây Cheo Reo gọi là H37), H8 (Đắk Mil - Đức Lập), H9 (vùng Krông Bông - huyện căn cứ của tỉnh), H10 (Huyện Lắk - Lạc Thiện), H11 (vùng Krông Pắc - Phước An). Từ đó, địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk tương đối ổn định cho đến ngày được hoàn toàn giải phóng.

4. Giai đoạn từ sau năm 1975 đến nay (năm 2024)

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), chính quyền cách mạng tỉnh Đắk Lắk tạm thời sắp xếp lại các đơn vị hành chính trong tỉnh. Đầu năm 1976, theo chủ trương của Trung ương hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Đức được sáp nhập thành tỉnh Đắk Lắk. Địa bàn các huyện cùng danh xưng cũng được thay đổi. Lúc này, toàn tỉnh có 5 huyện (Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Mil, Đắk Nông, Lắk) và thị xã tỉnh lỵ Buôn Ma Thuột. Việc sắp xếp điều chỉnh các đơn vị hành chính trong phạm vi tỉnh diễn ra liên tục, theo đà tăng dân số.

Ngày 30/8/1977, Chính phủ ban hành Quyết định số 230-CP, chia huyện Krông Búk thành 2 huyện, huyện mới lấy tên là

Ea Súp; chia huyện Krông Pắc thành 2 huyện, huyện mới lấy tên là M'Đrăk.

Ngày 03/4/1980, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 110-CP, chia tách huyện Krông Búk thành 2 huyện, huyện mới lấy tên là Ea H'Leo.

Ngày 19/9/1981, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 75-HĐPT, thành lập hai huyện mới là huyện Krông Ana và huyện Krông Bông.

Ngày 17/1/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 15-HĐBT chia huyện Ea Súp để lập huyện mới Cư M'Gar.

Ngày 22/2/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 19-HĐBT chia huyện Đăk Nông để thành lập thêm huyện mới Đăk R'Lấp.

Ngày 10/9/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 108-HĐBT tách một số xã của huyện Krông Pắc và huyện M'Đrăk để thành lập huyện mới Ea Kar.

Ngày 09/11/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 212/HĐBT thành lập 2 huyện mới là Krông Năng và Krông Nô.

Ngày 19/6/1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 227-HĐBT tách 5 xã của thị xã Buôn Ma Thuột và toàn bộ diện tích lâm nghiệp của xã Đăk Lao thuộc huyện Đăk Mil để thành lập huyện Cư Jút.

Ngày 21/1/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 08-CP, thành lập thành phố Buôn Ma Thuột, chuyển thị xã Buôn Ma Thuột thành thành phố.

Ngày 07/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 62-CP thành lập huyện mới Buôn Đôn.

Đến 2003, toàn tỉnh có 18 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 17 huyện) gồm thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện: Đăk R'lấp, Đăk Nông, Đăk Mil, Ea Súp, Cư M'gar, Krông Ana, Cư Jút, Krông Nô, Krông Pắc, Ea Kar, Lắk, Krông Bông, Ea H'Leo, Krông Búk, Krông Năng, M'Đrăk, Buôn Đôn.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên, ngày 26/11/2003, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 22/2003/QH11 về việc chia tách tỉnh Đăk Lắk thành hai tỉnh Đăk Lắk và Đăk Nông.

Sau khi tách tỉnh, Đăk Lắk có diện tích tự nhiên 13.125,37 km² với dân số 1.666.854 người. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Đăk Nông, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía Tây giáp tỉnh Mondulki-ri (Campuchia), có đường biên giới dài 73km. Lúc này toàn tỉnh có 13 huyện, thành phố: thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện Krông Búk, Ea Kar, Krông Ana, Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, M'Đrăk, Krông Pắc, Ea H'Leo, Krông Bông, Cư M'gar, Krông Năng; với 165 đơn vị hành chính cấp xã, 2.129 thôn, buôn, tổ dân phố.

Ngày 28/2/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 38/2005/QĐ-TTg nâng cấp thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị loại II.

Ngày 27/8/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 137/2007/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Krông Ana để thành lập huyện Cư Kuin.

Ngày 23/12/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã thuộc huyện Krông Búk; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Krông Búk để thành lập thị xã Buôn Hồ.

Ngày 08/2/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 288/QĐ-TTg công nhận thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị loại I, trực thuộc tỉnh.

Như vậy, đến năm 2024, tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các huyện: Cư M'gar, Krông Búk, Ea H'Leo, Krông Năng, Krông Pắc, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Krông Ana, Buôn Đôn, Ea Súp ; có 184 đơn vị hành chính cấp xã (20 phường, 12 thị trấn, 152 xã).

III- CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1904 - 1975) ²

1. Các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp tiêu biểu trước năm 1940 ở Đắk Lắk

² Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk 1930 -2020.

Ngay từ buổi đầu thực dân Pháp đặt chân lên Đắc Lắc trong tiến trình xâm chiếm và thống trị, chúng đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của đồng bào các dân tộc do các tù trưởng và người có uy tín của địa phương lãnh đạo. Trong đó, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa N'Trang Gưh (1887 - 1913), cuộc khởi nghĩa Ama Zhao (1889 - 1905), cuộc đấu tranh của Ôi H'Mai và MaDla (1901-1922), phong trào đấu tranh chống Pháp của giới công chức, viên chức Buôn Ma Thuột (1925 - 1926), cuộc khởi nghĩa N'Trang Long (1912 - 1935)... Mặc dù các cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc tỉnh Đắc Lắc trong thời kỳ này còn nhiều hạn chế, còn mang tính tự phát, chưa có tính tổ chức cao, nhưng qua các phong trào yêu nước đó, nhân dân Đắc Lắc nêu cao truyền thống kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm, ý thức cộng đồng để bảo vệ buôn làng, giành độc lập cho quê hương, đất nước.

1.1. Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Gưh lãnh đạo (1887 - 1913)

N'Trang Gưh là người dân tộc Êđê, tên thật là Y Gưh H'Đók, sinh năm 1845, tại buôn Čuah Kplang, nay thuộc xã Buôn Čuah (Krông Nô, Đắc Nông). Năm 1887, quân xâm lược Xiêm, Miến Điện được sự hậu thuẫn của thực dân Anh xâm phạm lãnh thổ của Đắc Lắc. N'Trang Gưh đã lãnh đạo 25 buôn, với 600 đồng bào người Bih dũng cảm chặn đánh quân xâm lược, giành chiến thắng oanh liệt, tiêu diệt gần hết quân

địch trên cánh đồng buôn Phôk, buôn Tuôr⁽³⁾, buộc chúng phải rút chạy khỏi Đắc Lắc.

Tháng 3/1900, quân Pháp do tên công sứ Buộc-Gioa (Bourgeois) đánh chiếm các buôn người Bih ở hạ lưu sông Krông Ana và Krông Nô (Krông Knô) bị nghĩa quân N'Trang Gưh bắn chết hụt, buộc phải bỏ chạy khỏi buôn Tuôr. Trước khi bỏ chạy chúng còn đốt trại buôn Tráp, buôn Čuah quê hương của N'Trang Gưh. Năm 1901, sau khi củng cố lực lượng, nghĩa quân đã vượt sông Krông Knô tiến công tiêu diệt toàn bộ lính Pháp tại đồn buôn Tuôr. Sau đó, nghĩa quân lần lượt hạ tiếp các đồn khác của Pháp ở các buôn như Djiêng, Djou, Phity, Tinh...

Từ năm 1901-1913, quân Pháp liên tục mở nhiều cuộc hành quân khá quy mô nhằm tiêu diệt nghĩa quân. Do thế giặc quá mạnh, thủ lĩnh N'Trang Gưh đã kêu gọi Nhân dân chuyển buôn vào rừng sâu, bất hợp tác với Pháp. Năm 1914, do trong hàng ngũ nghĩa quân có người phản bội, địa điểm đóng quân của N'Trang Gưh bị tiết lộ nên ông bị thực dân Pháp bắt và giết hại.

1.2. Cuộc khởi nghĩa do Ama Jhao lãnh đạo (1889-1905)

Ama Jhao tên thật là Y Yên Ayũn, sinh năm 1840 tại buôn Tung (Có tài liệu cho là buôn Kô Tam, thành phố Buôn Ma Thuột). Ama Jhao là một tù trưởng giàu có, uy tín của ông nổi lên mạnh mẽ và lan sang những vùng khác. Nhận thấy tầm ảnh

³ Ở vùng buôn Tráp, huyện Krông Ana hiện nay.

hưởng to lớn của Ama Jhao, thực dân Pháp đã tìm mọi cách lôi kéo, hăm dọa, nhưng Ama Jhao vẫn phản kháng và quyết tâm chuẩn bị khởi nghĩa.

Năm 1890, Ama Jhao tổ chức mai phục một toán quân Pháp trên đường từ Củng Sơn (huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên) tiến lên chiếm Buôn Ma Thuột. Tại Ea Yông, toán quân này bị nghĩa quân chặn đánh dữ dội, buộc phải rút chạy. Năm 1901, Ama Jhao dẫn đầu một đoàn các tù trưởng, già làng xuống Phú Yên phản đối việc mở đường, tự tiện sáp nhập đất đai của người Êđê vào Lào. Sau đó, Ama Jhao đã tăng cường liên kết với các tù trưởng khác như Ama Gôm, Ama Hap, Ama Dak, Ama Jak chỉ huy, đồng thời hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa khác đang nổi lên lúc đó của N'Trang Guh, Ôi H'Mai và MaDla... tạo thành mạng lưới chống Pháp rộng khắp vùng Tây Nguyên, gây cho giặc Pháp rất nhiều khó khăn. Thực dân Pháp treo thưởng cho bất cứ ai giết hoặc chỉ điểm nơi ở của Ama Jhao. Tháng 01/1905, qua tin mật báo, quân Pháp bao vây và bắt được Ama Jhao. Chúng tra tấn ông rất tàn bạo, Ama Jhao mất vào tháng 3/1905.

1.3. Cuộc đấu tranh do Ôi H'Mai và MaDla lãnh đạo (1901-1922)

Ôi H'Mai và MaDla là thủ lĩnh của người Êđê Mdhur vùng M'Đrăk, Cheo Reo, Krông Búk, Krông Pắc, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từ năm 1901-1922.

Trước việc quân Pháp ngang nhiên lập đồn ở buôn của mình, tháng 7/1901, Ôi H'Mai, Ôi H'Phai cùng 40 nghĩa quân tấn công tiêu diệt đồn Ea H'ly, giết chết tên chỉ huy người Pháp và gần hết toán lính khổ xanh. Sau thất bại này, quân Pháp bắt đầu cử những đơn vị lớn hơn tiến hành lùng sục nghĩa quân khắp nơi nhưng không có kết quả. Năm 1905, Ôi H'Mai lâm bệnh và mất ở Ea H'ly. Ôi H'Phai và những người khác tiếp tục chiến đấu đến tháng 3/1909 thì bị địch bắt. Sau khi cuộc khởi nghĩa của Ôi H'Mai và các đồng đội của ông thất bại, MaDla, tù trưởng Buôn MaDla tiếp tục đứng lên lãnh đạo khởi nghĩa, phong trào lan rộng khắp vùng M'Đrăk, xuống Củng Sơn, qua Cheo Reo và phía Krông Pắc. Tháng 6/1920, MaDla bị bắt và giết hại. Phong trào kéo dài đến năm 1922 mới chấm dứt.

1.4. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của giới công chức, viên chức Buôn Ma Thuột (1925-1926)

Y Jút H'Wing là một nhân sĩ trí thức người Êđê, ông sinh năm 1888 tại buôn Kram, xã Ea Tiêu (nay thuộc huyện Cư Kuin, Đắk Lắk). Cha của ông là Y Chăm đã từng tham gia phong trào khởi nghĩa của N'Trang Guh và bị bắt. Ông học qua các trường sơ học Buôn Ma Thuột, trung học Khải Định. Năm 1916, tốt nghiệp trung học, Y Jút về dạy ở trường Pháp - Êđê ở Buôn Ma Thuột. Đầu năm 1925, Y Jút H'Wing và Y Út Niê bí mật tổ chức ám sát tên công sứ Pháp Léopold Sabatier nhưng không thành công.

Đầu tháng 10/1925, ông lãnh đạo đông đảo học sinh và giáo viên trường Pháp - Êđê biểu tình, viết đơn kiện gửi đến Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ, Tổng Thanh tra Đông Dương tố cáo những hành vi tội ác của Léopold Sabatier (L.Sabatier). Kết quả là chính quyền thực dân buộc phải chuyển L.Sabatier khỏi Đắk Lắk và ít lâu sau trả L.Sabatier về nước.

1.5. Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Long lãnh đạo (1912-1935)

N'Trang Long sinh năm 1870 là tù trưởng của làng Bu N'Trang, nay thuộc địa bàn xã Đắk R'tíh, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Trước cảnh thực dân Pháp xâm lược, áp bức buôn làng, N'Trang Long đã đứng lên tập hợp lực lượng khởi nghĩa, có lúc lực lượng nghĩa quân lên đến 5.000 người, thanh thế của N'Trang Long vang dội khắp miền Nam Tây Nguyên.

Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Long lãnh đạo kéo dài từ năm 1912-1935, ông cùng nghĩa quân đã ghi bao chiến công oanh liệt, tấn công và làm vô hiệu hóa nhiều đồn bót của địch, tiêu diệt hàng trăm lính Pháp, trong đó có những tên sĩ quan sừng sỏ như Henri Maitre, Trul Fet, Gatille, Margad, Levily More, Leconte... giải phóng vùng cao nguyên M'Nông rộng lớn.

Giữa tháng 5/1935, quân Pháp tập trung lực lượng lớn, từ ba hướng Thủ Dầu Một đánh lên, từ Campuchia đánh sang, từ Đắk Lắk đánh xuống, tập trung tiến công đại bản doanh của nghĩa quân. Liên tục bị vây hãm, một số tù trưởng đầu hàng, một số

khác hy sinh hoặc bị bắt. Lương thực, vũ khí, quân số của nghĩa quân tại vùng căn cứ Nậm Nung thiếu thốn nghiêm trọng. Quân Pháp lập thêm nhiều đồn bốt như đồn Hănggrimet, đồn Boukok và nhiều căn cứ vệ tinh bao vây vùng căn cứ Nậm Nung, tiếp tục siết chặt vòng vây đối với nghĩa quân. Trong một trận chiến đấu không cân sức, N'Trang Long bị trọng thương và mất vào cuối tháng 5/1935.

2. Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk ra đời, lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công (1940-1945)

Ngày 23/11/1940, trước yêu cầu mới của cách mạng, một số tù nhân tại Nhà đày Buôn Ma Thuột đã thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản - chi bộ đầu tiên ra đời tại tỉnh Đắk Lắk. Với những hoạt động tích cực của các chiến sĩ cộng sản, sức ảnh hưởng của Chi bộ ngày càng mở rộng ra bên ngoài, nhất là thị xã Buôn Ma Thuột. Nhiều cơ sở cách mạng được gây dựng trong bộ máy chính quyền thực dân Pháp, nhiều nhân sĩ, trí thức, công chức là người dân tộc thiểu số làm việc cho chính quyền thực dân đã được những người cộng sản giáo dục, cảm hóa thành những cán bộ cách mạng, theo Đảng, theo Bác Hồ, có uy tín lớn đối với Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng như các đồng chí Y Blók Êban, Y Bih Alêô, Y Bun Knong (Ama Khê), Y Yôn (Minh Sơn)...

Tháng 5/1945, trước tình hình các cơ sở của Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc phát triển khá rộng rãi, để đảm

bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, Hội nghị thành lập Ban lãnh đạo lâm thời của tỉnh được tổ chức. Hội nghị đã đề ra một số chủ trương, công tác chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa: vấn đề xây dựng và tổ chức các Ủy ban Việt Minh ở cơ sở, các tổ chức quần chúng...

Tháng 8/1945, tình thế trực tiếp cách mạng ở hầu khắp các tỉnh đã xuất hiện. Tại Đắk Lắk, ở nông thôn và thị xã đâu đâu cũng sôi sục khí thế khởi nghĩa. Ngày 17/8/1945, Tỉnh bộ Việt Minh Đắk Lắk quyết định khởi nghĩa giành chính quyền ở các đồn điền Ca Đa, cây số 24 và đồn điền cây số 07. Ngày 22/8/1945, Ban lãnh đạo lâm thời tỉnh họp Hội nghị mở rộng, Hội nghị quyết định tổng khởi nghĩa ở thị xã Buôn Ma Thuột và cả tỉnh vào 24/8/1945;

15 giờ 00', ngày 24/8/1945, cuộc mít tinh giành chính quyền được tổ chức trọng thể tại sân vận động thị xã. Tham dự mít tinh có lực lượng vũ trang của các đồn điền, Nhân dân lao động trong thị xã và các xã Lạc Giao, Lạc Sa, thanh niên, học sinh, viên chức, nhân sĩ trí thức người các dân tộc và toàn bộ lực lượng bảo an binh có vũ trang khoảng 500 binh lính. Đặc biệt hơn 3.000 đồng bào các dân tộc Êđê, M'Nông, Gia Rai từ các buôn làng ven thị xã về dự. Một đại biểu của Việt Minh bước lên lễ đài, tuyên bố xóa bỏ chế độ thống trị của Nhật và tay sai, thành lập chính quyền của Nhân dân lao động; kêu gọi công nhân, nông dân, viên chức, học sinh và quần chúng các dân tộc

niệt liệt hưởng ứng chương trình của Việt Minh, ủng hộ chính quyền cách mạng, tích cực tham gia xây dựng cuộc sống mới. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của Nhân dân các dân tộc ở Đắc Lắc thành công rực rỡ. Từ đây lịch sử đấu tranh của các dân tộc Đắc Lắc bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do, tự mình xây dựng và bảo vệ thành quả do cách mạng đã mang lại.

3. Những thắng lợi tiêu biểu của phong trào cách mạng từ năm 1945 - 1975

3.1. Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Sau khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược, Nhân dân các dân tộc Đắc Lắc chỉ có một trăm ngày hoà bình để xây dựng chế độ mới, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh phát huy nhiệt tình cách mạng, thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước để củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng kinh tế, văn hoá - xã hội và an ninh quốc phòng, chống giặc đói, giặc dốt, đồng thời anh dũng chiến đấu chặn từng bước tiến của quân Pháp, góp phần làm phá sản chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, bảo toàn lực lượng để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Sau khi Đắc Lắc bị chiếm đóng, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng cơ sở chính trị trong vùng địch hậu, phát động chiến tranh

du kích, từng bước biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta, đi đôi với lãnh đạo hoạt động tác chiến tiêu hao, tiêu diệt địch để phối hợp với các chiến trường.

Đầu năm 1947, theo quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ miền Nam Trung Bộ, Ban Cán sự Đảng tỉnh Đắk Lắk được thành lập với ba đồng chí: Nguyễn Khắc Tính làm Bí thư, Ama Khê, Nguyễn Trọng Ba làm ủy viên. Ban Cán sự Đảng tỉnh Đắk Lắk ra đời, đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào kháng chiến của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, từ đây các cơ quan, chính quyền, các tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang cũng dần được hình thành.

Đến cuối năm 1949, ta đã khôi phục được các cơ quan lãnh đạo về mặt Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ bàn đạp ở phía tây Phú Yên; gây dựng lại cơ sở ở các xã phía Đông bắc huyện M'Đrăk, hai bên bờ sông Ba, ở Cheo Reo từ đèo Tân Á trở xuống, một số xã Đông đường 14 thuộc Buôn Hồ (xã Krông Năng, Krông Búk, Ea Drông, Ea Drăng...). Xây dựng được một số vùng lõm làm căn cứ đứng chân ngay trong vùng địch, hình thành một số vùng tương đối liên hoàn tranh chấp giữa ta và địch.

Liên Khu ủy cũng chú trọng tăng cường cán bộ cho Đắk Lắk, Ban Cán sự tỉnh từ 7 đồng chí tăng lên 11 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí là: Trương Quang Giao, Lê Vụ, Y Wang, Nguyễn Tuấn và Đoàn Khuê.

Trong đợt hoạt động Hè năm 1950, ở hướng Nam Tây Nguyên ta mở chiến dịch Nguyễn Huệ. Trong chiến dịch Nguyễn Huệ, các lực lượng của ta đã đánh địch 15 trận, trong đó có 8 trận lớn, có trận thắng lớn giòn giã như trận Ma Rik, tiêu diệt được 2 chỉ huy Pháp, 14 lính Âu-Phi, 120 lính nguy, làm bị thương và bắt sống gần 60 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của địch. Với chiến dịch Nguyễn Huệ ta đã đặt được nền móng đầu tiên cho việc xây dựng một khu du kích, mở đường xây dựng một khu căn cứ địa trên vùng địch hậu Đắk Lắk.

Thời kỳ năm 1951-1953, các lực lượng của ta đã dần lớn mạnh với sự phát triển của các phong trào quần chúng, chiến tranh du kích. Trong chiến dịch Đông-Xuân năm 1953-1954, phối hợp với quân và dân Bắc Tây Nguyên và các chiến trường trong cả nước, quân và dân Đắk Lắk cũng đồng loạt nổ súng tấn công địch, góp phần đập tan cuộc hành quân Atlante, làm cho một bộ phận quan trọng của kế hoạch Nava thất bại.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 07/5/1954 đã tiếp thêm sức mạnh cho toàn quân, toàn dân trên cả nước, trong đó có quân và dân Đắk Lắk. Phối hợp với các lực lượng ở chiến trường Pleiku, quân ta đã chặn đánh và tiêu diệt quân địch rút chạy ở đèo Cư Drê, cắt đứt đường 14. Cùng với hoạt động quân sự, ta chủ trương đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy. Từ Buôn Hồ, Buôn Ma Thuột,

Buôn Đôn, Đắk Mil, Lắk, cơ sở của ta phát triển rất mạnh, phía bắc ta đã bắt liên lạc được với cơ sở tỉnh Gia Lai-Kon Tum (nay là tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum), phía Tây Nam với cơ sở của Đông Campuchia, phía Đông Nam với cơ sở của Lâm Đồng.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, ngày 01/8/1954 là ngày chính thức đình chiến. Tuân thủ những điều khoản đã quy định trong nội dung Hiệp định, tinh củ phái đoàn do đồng chí Nguyễn Khắc Tinh làm trưởng đoàn cùng với phái đoàn đối phương ký vào biên bản bàn giao, tất cả các lực lượng của ta đang hoạt động ở Đắk Lắk đều rút về địa điểm tập kết.

Trải qua 9 năm liên tục chiến đấu, quân và dân Đắk Lắk đã vượt qua nhiều hy sinh, gian khổ, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, giải phóng quê hương, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của cả nước.

3.2. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước và chiến thắng Buôn Ma Thuột 10/3/1975

Sau 1954, hòa bình được lập lại ở miền Bắc, trong khi đó ở miền Nam đế quốc Mỹ âm mưu phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, không thi hành các điều khoản trong Hiệp định với mục đích chia cắt nước ta lâu dài và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng.

Sau khi hất cẳng Pháp, lập nên Chính phủ tay sai Ngô Đình Diệm, đế quốc Mỹ ra sức bình định vùng đất đỏ bazan làm căn cứ xâm chiếm lâu dài. Mỹ - Diệm thực hiện chiến dịch “tổ

cộng, diệt cộng”, đánh phá các buôn làng, dồn đồng bào vào các trại tập trung (ấp chiến lược, ấp tân sinh, khu dinh điền) nhằm tách đồng bào ra khỏi cách mạng. Chúng dựng hàng trăm đồn bót, tiểu khu, chi khu quân sự, các cụm thông tin liên lạc dày đặc, tạo thành một hệ thống kìm kẹp hết sức man rợ. Ngoài ra, chúng còn lập ra “*nhà đặc trách thương vụ*”, “*phủ đặc ủy thương vụ*”, “*bộ phát triển sắc tộc*”, các sở, ty sắc tộc, xúi giục các phần tử cơ hội, thành lập các tổ chức FULRO để chống phá cách mạng. Đế quốc Mỹ còn thực hiện âm mưu, chính sách chia rẽ dân tộc, miệt thị đồng bào, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, các nghị quyết của Khu ủy, của Tỉnh ủy Đắk Lắk đã được quán triệt sâu rộng đến quần chúng, quân và dân Đắk Lắk đã đoàn kết một lòng đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Từ năm 1954-1960, ta đã kịp thời chuyển hướng tư tưởng, tổ chức, cách thức lãnh đạo đấu tranh chính trị ở nội thị, nhất là vùng nông thôn đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho việc kết hợp đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị phát động phong trào Nhân dân đồng khởi giành quyền tự do, dân chủ. Nhân dân trong tỉnh vượt qua thời kỳ khó khăn, giành quyền làm chủ một vùng rộng lớn, giữ vững vùng căn cứ, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và binh vận, tiến lên giữ thế đấu tranh “hai chân, ba mũi giáp công”. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở Đắk Lắk góp phần cùng phong trào toàn miền Nam đẩy địch vào thế bị động đối phó, làm phá sản

một bước quan trọng âm mưu tiêu diệt lực lượng và phong trào cách mạng miền Nam của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trong 15 năm tiếp theo, đế quốc Mỹ đã liên tiếp thi hành ba chiến lược chiến tranh xâm lược. Đắc Lắc là địa bàn chiến lược trọng điểm đế quốc Mỹ thực thi các chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), chiến lược “chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1975). Kiên cường, dũng cảm và sáng tạo, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong toàn tỉnh đấu tranh chống địch lập căn cứ quân sự, càn quét gom dân, lập ấp chiến lược; tiếp tục đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, kết hợp chặt chẽ phương châm “hai chân, ba mũi giáp công”, mở rộng giải phóng nhiều vùng nông thôn đồng bào dân tộc. Khi đế quốc Mỹ đem quân lên Tây Nguyên, xây dựng căn cứ quân sự lớn ở Buôn Ma Thuột, Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân chống trả quyết liệt những cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966 -1967.

** Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968:*

Tháng 01/1968, Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa III) chủ trương mở cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt trong Tết Mậu Thân nhằm tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận nguy quân, nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay Nhân dân; tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, đánh vào các cơ quan đầu não, giáng một đòn

quyết định vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán với ta.

Triển khai kế hoạch hoạt động trước Tết Mậu Thân nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của địch. Ở các huyện nông thôn, ngày 22/1/1968 bộ đội tỉnh và huyện tấn công vào quận lỵ Lạc Thiện diệt một số địch. Ở Buôn Hồ lực lượng ta đánh các ấp buôn Tring, buôn A Nua, ấp Cuôr Đăng và phục kích đánh địch ở đèo Hà Lan trên đường 14.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương, của Khu ủy V và mặt trận Tây Nguyên, từ đêm 30 đến hết mừng 4 Tết Mậu Thân 1968, ta đã tổng tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột, đánh vào các mục tiêu quan trọng như Ty Ngân khố, Toà Thị chính, Đài phát thanh Buôn Ma Thuột, Trường huấn luyện nghĩa quân, Tiểu khu bảo an, sân bay Hoà Bình... chiếm lĩnh được nhiều mục tiêu quan trọng trong thị xã. Kết quả trong đợt tấn công nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đắk Lắk ta đã diệt và làm tan rã 2.000 tên địch, bắt 85 tên, có 03 tên Mỹ, tiêu diệt 01 tiểu đoàn và 01 đại đội địch, bắn cháy 150 xe quân sự, 13 xe M113, 04 khẩu pháo, 12 kho xăng dầu, đạn dược.

Phối hợp với cuộc tấn công quân sự ở thị xã, tại một số đường phố của thị xã Buôn Ma Thuột, quần chúng được cán bộ cơ sở chuẩn bị trước đã xuống đường chiếm trụ sở thôn ấp, xé cờ và khẩu hiệu của địch, treo cờ cách mạng, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, lùng bắt bọn ác ôn, kêu gọi binh lính đầu hàng.

Cùng với cuộc tiến công diễn ra sôi nổi ở Buôn Ma Thuột thì ở các huyện cũng đồng loạt nổ ra tấn công địch, đồng thời phối hợp nhịp nhàng giữa tấn công quân sự với tấn công binh vận và phong trào nổi dậy của quần chúng, giữa nông thôn và đô thị đưa hàng vạn quần chúng nổi dậy với khí thế rất sôi nổi và quyết liệt. Quần chúng Nhân dân các huyện H4, H5, H9, H10 gồm trên 18.000 người cùng với Nhân dân các huyện khác trong tỉnh như ở cánh Bắc với trên 6.000 người, phần lớn là đồng bào các dân tộc ở huyện H3, H4, H5; cánh phía Nam có 2.500 người cả đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số ở H10 và vùng ven H6; cánh phía đông trên 9.000 người, gồm đồng bào Kinh ở các khu dinh điền giải phóng và đồng bào các dân tộc ở H8, H9... cùng chuẩn bị cờ, khẩu hiệu, với khí thế hiên ngang, bất khuất tiến về thị xã Buôn Ma Thuột đấu tranh chính trị với địch.

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 là một thắng lợi quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Đắk Lắk. Mặc dù Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đắk Lắk không đạt được đầy đủ mục tiêu đã đề ra, nhưng thắng lợi của Tết Mậu Thân về trình độ tổ chức, chỉ đạo, chỉ huy và ý chí quyết tâm, tinh thần chiến đấu hy sinh dũng cảm, kiên cường, bất khuất của quân và dân các dân tộc trong tỉnh sẽ mãi mãi là bản anh hùng ca bất diệt mà Đảng bộ, quân và dân Đắk Lắk đã góp phần vào lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, ta liên tục giữ vững thế chủ động tiến công địch. Phong trào du kích, công tác phát động quần chúng diệt ác, phá kìm trong tỉnh có bước phát triển mới. Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Đảng bộ đã tích cực lãnh đạo quân và dân trong tỉnh đấu tranh chống địch bình định, lấn chiếm, phá hoại Hiệp định Pa-ri, giữ vững thế tấn công địch, củng cố, mở rộng các căn cứ và vùng giải phóng.

** Chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk tháng 3/1975*

Cuối năm 1974, nguy quân nguy quyền Sài Gòn tuy thất bại nặng nề, nhưng vẫn còn ngoan cố, đẩy mạnh bình định, lấn chiếm, chống phá cách mạng, nhưng thế và lực của địch ngày càng suy yếu, các lực lượng cách mạng ở miền Nam tiếp tục giành nhiều thắng lợi. Tháng 10/1974, Bộ Chính trị họp nhận định tình hình và thời cơ chiến lược mới. Hội nghị khẳng định: “Mỹ đã rút khỏi miền Nam thì khó có khả năng đưa quân trở lại và dù chúng có can thiệp đi nữa cũng không thể cứu vãn nguy cơ sụp đổ của nguy quyền Sài Gòn”. Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 đến 1976 và chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975.

Từ ngày 18/12/1974 đến ngày 08/01/1975, Bộ Chính trị họp (mở rộng) soát xét tình hình địch, ta ở miền Nam và sau chiến thắng Phước Long (ngày 6/1/1975), Bộ Chính trị quyết

định: “Tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã nguy quân, đánh đổ nguy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay Nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà”. Bộ Chính trị còn dự kiến: “Nếu thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Cũng thời gian này, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu chủ yếu của Chiến dịch Nam Tây Nguyên.

Việc lấy Buôn Ma Thuột làm mục tiêu quyết chiến trong mùa xuân 1975 có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng. Buôn Ma Thuột là thủ phủ của tỉnh Đắk Lắk và cũng là thị xã đầu tiên của Tây Nguyên. Đây là một đô thị có giá trị lớn về chiến lược, không những đối với Tây Nguyên mà cả miền Nam. Đánh chiếm Buôn Ma Thuột sẽ tạo ra bàn đạp giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, uy hiếp đồng bằng ven biển miền Trung, mở ra hướng tiến công quan trọng vào Sài Gòn.

Để chuẩn bị cho giải phóng Buôn Ma Thuột, Trung ương chỉ viện cho Đắk Lắk Sư đoàn 10, Sư đoàn 316, Trung đoàn 95B, Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn 25, Tiểu đoàn 196 công binh và bộ binh, pháo binh. So sánh tương quan lực lượng lúc bấy giờ, quân ta hơn hẳn quân địch về số lượng, chất lượng và thiết bị, bố trí thế trận liên hoàn và hiểm hóc, hình thành những “quả dăm” mạnh ở những khu vực tác chiến then chốt

của chiến dịch. Được Quân ủy Trung ương và Bộ Tư lệnh trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo, với sự chi viện dồi dào của hậu phương lớn, cán bộ, chiến sỹ các đơn vị chủ lực và địa phương đều phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm, hăng hái lập công. Về lực lượng của địch, trước ngày ta nổ súng có khoảng 10.000 tên cả chủ lực, bảo an, cảnh sát và dân vệ, có Sư đoàn 23 với hàng trăm cổ vắn Mỹ và mạng lưới đồn bốt dày đặc kiên cố.

Phối hợp với kế hoạch quân sự, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk tiến hành nhiều phiên họp ra nghị quyết và bàn các biện pháp phối hợp với đòn tiến công của bộ đội chủ lực. Tỉnh ủy đã quán triệt cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân, trước hết là các cấp ủy đảng, phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh trước thời cơ lịch sử. Xác định kế hoạch tiến công và nổi dậy trong toàn tỉnh, đặc biệt là trên các địa bàn trọng điểm: Buôn Ma Thuột, Đức Lập (Đắk Min), Cẩm Gar-Thuần Mần (Ea H'Leo), Đức Xuyên, Lạc Thiện (Lắk). Đồng thời, dự kiến và có kế hoạch hướng phát triển theo các trục đường số 14, 21 (nay là Quốc lộ 26) khi có thời cơ thuận lợi. Cũng cố và phát huy vai trò của các đội vũ trang công tác, khôi phục và mở rộng các cơ sở quần chúng, tạo hành lang và bàn đạp cho các vùng sâu, vùng yếu, vùng tiếp cận đô thị. Tỉnh ủy Đắk Lắk và thị xã Buôn Ma Thuột đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ dân vận, phát động quần chúng áp sát vào thị xã để làm nhiệm vụ tiếp tế, tải thương, dẫn đường liên lạc, làm công tác vận động binh lính, gọi hàng, trình diện, phục vụ chiến đấu và nổi dậy của quần

chúng với khẩu hiệu hành động là “Tất cả cho phía trước, tất cả để giành thắng lợi”.

Để tạo bí mật bất ngờ cho trận quyết chiến chiến lược ở Buôn Ma Thuột, từ đầu năm 1975, bộ đội chủ lực của ta ở Tây Nguyên đã tiến hành một kế hoạch nghi binh rất tài tình, thu hút sự chú ý, đối phó của địch ở bắc Tây Nguyên. Cuối tháng 2/1975, Sư đoàn 968 đánh tiêu diệt chốt Mỹ, bức rút Đồn Tám và một số cứ điểm ở tây Pleiku, uy hiếp các quận lỵ Thanh An, căn cứ Thanh Bình. Ở phía đông An Khê, ngày 4/3/1975 Sư đoàn 3 của Quân khu V cắt đường 19 và đánh tiêu diệt một số vị trí của địch từ An Khê đến Bình Khê. Cho đến đầu tháng 3-1975, địch vẫn chưa phát hiện ta sẽ tấn công Buôn Ma Thuột, chúng còn đưa Trung đoàn 45 ở Đắc Lắc ra Pleiku đối phó với hoạt động của chủ lực ta ở bắc Tây Nguyên.

Sáng 05/3/1975, Trung đoàn 25 cắt đường 21 (nay là Quốc lộ 26) trên đoạn Cư Kúc; ngày 08/3/1975 Trung đoàn 48 đánh chiếm quận lỵ Thuận Mẫn và căn cứ Cẩm Ga cắt đứt đường 14, diệt một tiểu đoàn bảo an, bắt sống 120 tên, thu 200 súng.

Ngày 09/3/1975, ta đã triển khai lực lượng, cài xong thế chiến lược và chiến dịch kết hợp với chiến trường, ta đánh quận lỵ Đức Lập, nghi binh bao vây đánh vào Pleiku, Kon Tum, cắt đường 19 tạo ra chia cắt Tây Nguyên với đồng bằng, chia cắt phía Nam với phía Bắc, hoàn toàn bao vây, cô lập thị xã Buôn Ma Thuột.

Đúng 2 giờ 03 phút, sáng ngày 10/3/1975, từ các hướng, quân ta nổ súng tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột. Mở đầu, đặc công đánh sân bay thị xã, đánh khu Kho Mai Hắc Đế, lực lượng bộ binh đánh sân bay Hòa Bình; cùng thời gian này hỏa tiễn H12, ĐKB và các cụm pháo tập trung bắn vào Sư bộ 23 của địch. Sáng ngày 10/3/1975, ở hướng bắc, bộ binh ta có xe tăng phối hợp đánh vào Ngã Sáu và đánh chiếm Tiểu khu Buôn Ma Thuột. Hướng tây bắc, lực lượng ta tiêu diệt Sở chỉ huy khu Kho Mai Hắc Đế, đánh chiếm các cứ điểm Cư Êbuôr, Cư Dluê... phá hệ thống cứ điểm án ngữ vòng ngoài thị xã. Ở hướng Tây quân ta đánh chiếm doanh trại Tiểu đoàn Quân y và áp sát căn cứ Sư bộ 23. Ở hướng Nam, ta đánh vào Khu Hành chính, Khu Tiếp vận, Sở Thú y, Ty Ngân khô, Khu cư xá Sĩ quan và đánh chiếm quận lỵ Hòa Bình.

Ngày 11/3/1975, bộ binh, xe tăng và trọng pháo của ta tập trung đánh vào Sư bộ 23, địch chống trả quyết liệt, nhưng đến 10 giờ quân ta đã làm chủ các mục tiêu, chiếm lĩnh Sư bộ 23, bắt sống tên tỉnh trưởng Đắc Lắc và đại tá sư đoàn phó Sư 23 nguy, lực lượng ta đã làm chủ hoàn toàn thị xã. Ngày 12/3/1975, ta tiến quân tiêu diệt căn cứ 45 nguy, đánh địch ở Cư Bao, Đạt Lý, giải phóng Buôn Hồ.

Ngày 13/3/1975, ta giải phóng Châu Sơn, diệt địch cứ điểm Cư M'Gar phối hợp với bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương tỉnh đánh chiếm và làm chủ quận lỵ Lạc Thiện. Trong khi bộ đội

đánh chiếm thị xã, các đội công tác chính trị của tỉnh cũng như các phường trong nội tuyến, phát động quần chúng ổn định tư tưởng, sửa chữa điện nước, làm công tác tiếp quản, thành lập Ủy ban quân quản ở các địa phương, giữ vững trật tự an ninh, bảo đảm sinh hoạt bình thường cho Nhân dân. Ngày 14/3/1975, ta tấn công hậu cứ Trung đoàn 53 khu sân bay Hoà Bình và giải phóng Buôn Đôn, quét sạch căn cứ FULRO ở Tây Nguyên.

Ngày 17/3/1975, quân chủ lực mở trận đánh quyết định vào Phước An, tiêu diệt và bắt sống gần hết mấy ngàn tên địch, giải phóng Phước An. Ngày 18/3/1975, Trung đoàn 25 đã ngăn chặn và đánh trận cuối cùng, tiêu diệt tàn quân của Sư đoàn 23 tháo chạy ở vùng Cư Kúc, thị xã Cheo Reo, tiêu diệt cơ quan hành chính tiểu khu Phú Bổn. Cũng trong ngày 18/3/1975, Ủy ban quân quản thị xã Buôn Ma Thuột được thành lập, ra mắt tại Đình Lạc Giao do đại tá Y Blók Êban làm Chủ tịch.

Ngày 19/3/1975 đến 21/3/1975, quân ta đánh chiếm quận lỵ Khánh Dương truy quét sạch quân địch co cụm ở đây, tiêu diệt và làm tan rã Lữ đoàn dù 3 nguy, chiếm lĩnh đèo Phụng Hoàng mở đường cho quân ta tiến xuống tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các huyện sử dụng lực lượng địa phương phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, truy quét tàn quân địch. Đến ngày 24-3-1975, tỉnh Đắk Lắk hoàn toàn được giải phóng.

Chỉ 20 ngày trong tháng 3/1975 lịch sử (từ ngày 05/3/1975 đến ngày 24/3/1975), quân chủ lực đã đánh đòn quyết chiến chiến lược, diệt và làm tan rã toàn bộ quân chủ lực phòng ngự và rút chạy của Quân đoàn 2 nguy cùng với toàn bộ binh khí kỹ thuật trên địa bàn Đắc Lắc và Tây Nguyên, hỗ trợ và tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt bọn địch ở cơ sở, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ và giải phóng hoàn toàn 3 đơn vị hành chính cấp tỉnh của địch là Đắc Lắc, Quảng Đức, Phú Bổn với khoảng 400.000 dân.

Phối hợp với quân chủ lực, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, đội vũ trang công tác của tỉnh đã đánh địch 99 trận, diệt 329 tên, bắt 1.013 tên; bắt gọn Ban chỉ huy quận Lạc Thiện. Diệt và làm tan rã 3 tiểu đoàn bảo an, 2 tiểu đoàn FULRO, 50 trung đội nghĩa quân và toàn bộ lực lượng phòng vệ dân sự, thu 13.000 súng, 4 pháo 105mm...

Trong hơn 30 năm đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng bào các dân tộc Đắc Lắc đã kiên cường, anh dũng, một lòng một dạ, rất mực thủy chung và đoàn kết, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã vượt qua nhiều thử thách, khó khăn gian khổ, chịu đựng nhiều tổn thất hy sinh, bền bỉ đấu tranh giành được nhiều thắng lợi to lớn trong từng thời kỳ cách mạng, đã đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng. Từ đây cùng với cả nước, Đảng bộ và Nhân dân Đắc Lắc bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập tự do, hòa bình thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT SAU 120 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (22/11/1904 - 22/11/2024) VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM XÂY DỰNG ĐẮC LẮK GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, BẢN SẮC, XỨNG ĐÁNG VỊ TRÍ TRUNG TÂM VÙNG TÂY NGUYÊN

Sau ngày giải phóng (ngày 24/3/1975), tỉnh Đắk Lắk là một vùng đất đai rộng lớn, dân cư thưa thớt, cơ sở hạ tầng kinh tế còn rất hạn chế. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 16,995 triệu đồng (Năm 1976); tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội đạt 44,573 triệu đồng; diện tích lúa nước là 8.653 ha, lúa rẫy 50.979 ha, sản lượng 117.708 tấn. Tổng sản phẩm xã hội (năm 1978) mới chỉ có 197,630 triệu đồng; diện tích cà phê (1978) 8.768 ha, sản lượng 18.282 tấn tươi. Ngành công nghiệp ở Đắk Lắk lúc bấy giờ nhỏ lẻ, manh mún, mới chỉ có 1 trạm Đielzel ở thị xã Buôn Ma Thuột (công suất trên 1000 KW) và 2 trạm thủy điện (Đray H'Linh 450 KW và Ea Nao 280 KW), chủ yếu phục vụ thắp sáng sinh hoạt; 01 nhà máy cấp nước thị xã Buôn Ma Thuột công suất 5.000m³/ngày đêm cùng một số cơ sở chế biến gỗ. Giao thông đường bộ chủ yếu là 2 trục Quốc lộ 14 và 26 nhưng bị hư hỏng nặng. Đời sống Nhân dân rất khó khăn. Về y tế, đội

ngũ y bác sỹ toàn tỉnh chỉ có 155 người, với 12 cơ sở khám chữa bệnh (gồm 03 bệnh viện, 07 bệnh xá, 01 nhà điều dưỡng, 01 trại phong), với 932 giường; Về giáo dục, chỉ có trường 137 trường (115 trường cấp I, 21 trường cấp II, 01 trường cấp III), với 1.260 giáo viên, 1.409 lớp, 65.000 học sinh; Về thông tin liên lạc, có 25km đường dây điện thoại, 250 máy điện thoại. Về thiết chế văn hóa chỉ có 01 thư viện, 01 nhà văn hóa, 10 đội chiếu bóng. Về hệ thống chính trị, năm 1975, Đảng bộ tỉnh chỉ có 216 tổ chức cơ sở đảng với hơn 2.400 đảng viên. Về quốc phòng - an ninh, bên cạnh việc khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại, tỉnh vừa tập trung chăm lo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân, vừa phải đẩy mạnh công tác đấu tranh giải quyết vấn đề FULRO; đồng thời, chiến đấu và chiến thắng âm mưu xâm lấn, diệt chủng của bọn Pôn Pôt - Iêng Xary, góp phần bảo vệ vững chắc biên giới và làm tròn nghĩa vụ quốc tế, giúp Campuchia giải phóng tỉnh Mondulkiri; sau giải phóng tỉnh chủ yếu quan hệ, hợp tác với các nước thuộc khối các nước xã hội chủ nghĩa.

Đến nay, sau 120 năm hình thành, xây dựng và phát triển, nhất là sau 49 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và sau gần 40 tiến hành công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, nỗ lực, sáng tạo trong học tập, lao động, sản xuất, dành được nhiều thành tựu nổi bật, có ý nghĩa rất quan

trọng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị, tạo ra thế và lực vững chắc trên chặng đường phát triển tiếp theo.

1. Kinh tế phát triển nhanh, đạt được nhiều kết quả tích cực

Kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng khá (*giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,75%/năm; giai đoạn 2021 - 2024 đạt 7,07%/năm*). Quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng, năm 2024 tăng 1,73 lần năm 2015; GRDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 68,8 triệu đồng/người, gấp 2,06 lần năm 2015. Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, từng bước giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp - xây dựng (*Nông nghiệp giảm từ 42,6% năm 2015 xuống còn 37,06% vào năm 2024; Công nghiệp - xây dựng tăng từ 12,3% năm 2015 lên 17,36% vào năm 2024; Dịch vụ tăng từ 40,8% năm 2015 lên 41,55% vào năm 2024*). Chất lượng nền kinh tế được nâng lên, các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phát triển đa dạng, xuất hiện một số sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và giá trị gia tăng cao như điện thương phẩm, nông sản tinh chế, sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2015-2024 ước đạt 309.850 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế giai đoạn 2015-2024 bình quân tăng 11%/năm. Công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt kết quả khá, tăng đều qua các năm: Năm 2024 ước

đạt 8.500 tỷ đồng, cao gấp 2,4 lần so với năm 2015; giai đoạn 2015 - 2024 bình quân tăng 10,2%/năm.

Về phát triển nông nghiệp, nông thôn: Tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm là tập nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá, chuyển dịch theo hướng tập trung chuyên canh, quy mô lớn, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Giai đoạn 2015 - 2024 tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân tăng 5,11%/năm. Đến năm 2024, diện tích cây cà phê khoảng 205.896 ha, sản lượng ước đạt 564.093 tấn, tăng khoảng 115.000 tấn so với năm 2015. Bên cạnh đó, trên địa bàn đã hình thành được một số khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp của tỉnh. Kết cấu hạ tầng, hệ thống thủy lợi tiếp tục được đầu tư, đảm bảo tưới cho 83,88% diện tích cây trồng. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của toàn xã hội được nâng lên; cùng với việc đổi mới cơ chế khoán, giao đất, giao rừng, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, tăng mức hỗ trợ trong lâm nghiệp đã thu hút các nguồn vốn cho phát triển rừng, nhất là phát triển trồng rừng và kinh doanh nông - lâm - dịch vụ kết hợp; giai đoạn 2015 - 2024 trồng mới khoảng 23.460 ha rừng trồng. Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả

tích cực; giúp bộ mặt nông thôn của tỉnh có nhiều thay đổi rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; lũy kế đến năm 2023 có 78/151 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01/15 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Về phát triển công nghiệp: Ngành công nghiệp trên địa bàn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định. Giai đoạn 2015 - 2024, tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp bình quân tăng 8,83%/năm. Tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp tăng từ 8% năm 2015 lên 12% năm 2024. Đến nay, ngành công nghiệp tỉnh đã hình thành được một số hệ thống khá đồng bộ gồm các ngành sản xuất và phân phối điện nước, khai khoáng đặc biệt là công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo. Nhiều cơ sở công nghiệp có quy mô vừa và tương đối hiện đại được xây dựng và đưa vào sản xuất như chế biến cà phê, hồ tiêu, cao su, tinh chế gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng.... Riêng trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng, Đắk Lắk là tỉnh có tiềm năng phát triển thủy điện, điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời). Đến nay, toàn tỉnh có 02 dự án điện gió công suất 428,8 MW, 10 dự án điện mặt trời nổi lưới với công suất 1.024 MWp và hơn 5.379 công trình điện mặt trời mái nhà đã phát điện thương mại với tổng công suất 650,17 MWp.

Hoạt động thương mại - dịch vụ: Tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xã hội, trong đó

ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ tiếp cận với công nghệ hiện đại, công nghệ số, ứng dụng khoa học - công nghệ trong cung cấp các sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu hội nhập; từng bước xây dựng, phát triển dịch vụ logistics. Giá trị tổng sản phẩm GRDP ngành dịch vụ đến năm 2024 ước đạt 27.900 tỷ đồng, cao gấp 1,72 lần so với năm 2015. Hoạt động xuất khẩu có sự tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2024 ước đạt 1.600 triệu USD, gấp 2,5 lần năm 2015; thị trường truyền thống được củng cố, phát triển thêm thị trường mới, bổ sung nhiều mặt hàng xuất khẩu như: hạt điều, tinh bột sắn, cà phê bột, sầu riêng,...Những năm qua, tỉnh đã tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm có quy mô lớn, đặc biệt tổ chức thành công 8 kỳ Lễ hội Cà phê, qua đó góp phần tích cực vào công tác quảng bá thương hiệu, nâng tầm giá trị và khẳng định vị thế cà phê Buôn Ma Thuột trên thị trường thế giới, tôn vinh người trồng cà phê, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, hợp tác, thu hút nguồn lực phát triển.

Hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng: Được tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ với nhiều dự án trọng điểm, góp phần tạo nên diện mạo các đô thị ngày càng khang trang, hiện đại. Đến nay, hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không khá thuận lợi với Cảng hàng không Buôn Ma Thuột có công suất phục vụ khoảng 02 triệu hành khách/năm và hệ thống các đường quốc lộ 14, 26, 27, 29 kết nối Đắk Lắk với các tỉnh trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và cả nước; hệ thống giao thông đến các huyện, xã ngày càng được cải tạo, nâng cấp,

với 100% xã đã có đường nhựa đến trung tâm. Đặc biệt, dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đang được tích cực triển khai, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng (*trong năm 2026*) sẽ góp phần quan trọng đánh thức và phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, thế mạnh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, gắn với tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh của hai tỉnh và khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên...

Doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển mạnh về số lượng và quy mô: Toàn tỉnh hiện có 12.677 doanh nghiệp đăng ký hoạt động. Kinh tế tập thể và hợp tác xã đã cơ bản được phục hồi và có chuyển biến tích cực, toàn tỉnh hiện có 783 hợp tác xã, khu vực kinh tế tập thể thu hút 71.000 thành viên, 23.000 lao động thường xuyên. Để tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch về hỗ trợ pháp lý, công nghệ, chuyển đổi số; tổ chức thành công nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiếp tục tập trung xử lý, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư: Được tăng cường theo hướng hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, dự án tại tỉnh. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 26 dự án FDI (*trong đó 22 dự án ngoài khu công nghiệp, với tổng vốn đăng ký 609,2 triệu USD; 04 dự án trong khu công nghiệp, với tổng vốn đăng ký 73,2 triệu USD*); kinh tế đối ngoại tiếp tục được tăng cường,

công tác vận động, kêu gọi viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và tăng cường kết nối với các địa phương, tổ chức nước ngoài để triển khai có hiệu quả nội dung các bản ghi nhớ, thỏa thuận đã ký kết. Hiện nay, tỉnh đang thực hiện 06 dự án ODA với tổng mức đầu tư khoảng 2.325 tỷ đồng.

Chuyển đổi số được đẩy mạnh thực hiện ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực: Vận hành tốt Trung tâm quản lý, điều hành đô thị thông minh (IOC) và Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các cơ quan nhà nước; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trong công việc ngày càng được nâng cao, góp phần tiết kiệm chi hành chính và nâng cao hiệu quả xử lý công việc trong nội bộ cơ quan nhà nước trên hệ thống mạng. Tỉnh đã ký kết hợp tác, triển khai các nội dung chuyển đổi số, phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về công nghệ thông tin để thực hiện thu hút, kêu gọi đầu tư. Các cơ sở giáo dục đã ứng dụng phần mềm quản lý trường vào dạy và học; các trạm y tế cấp xã đã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế, khám chữa bệnh từ sớm, từ xa.

Lĩnh vực viễn thông, internet tiếp tục phát triển, mạng lưới viễn thông được đầu tư, phát triển rộng khắp đến các khu vực trên địa bàn tỉnh. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã được kết nối cáp quang đến trung tâm; tỷ lệ người dân sử dụng Internet đạt trên 60%; số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 85%; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/

tổng thuê bao điện thoại di động đạt 80%; tỷ lệ thôn, buôn được phủ sóng di động băng rộng đạt 100%; tỷ lệ phần trăm hộ gia đình truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 90%.

Công tác cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt nhiều kết quả tích cực. Trung tâm hành chính công và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tiếp tục được triển khai sâu rộng, hiệu quả, đồng bộ ở cả 3 cấp chính quyền, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp và tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước được thực hiện mạnh mẽ, nhất là việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng chính quyền điện tử được tăng cường để hướng đến chính quyền số. Các hệ thống nền tảng cơ sở dữ liệu dùng chung, nền tảng đô thị thông minh, nền tảng thanh toán trực tuyến dần được hoàn thiện, từng bước thực hiện hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

2. Chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hóa, tinh thần người dân được nâng lên; công tác an sinh xã hội; chính sách hỗ trợ người có công; công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả

Chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo được triển khai thực hiện có hiệu quả, cơ sở vật chất trường học và trang thiết bị được quan tâm đầu tư, chất lượng đội ngũ

cán bộ quản lý và giáo viên được nâng cao; phương pháp giáo dục đã có đổi mới. Công tác xã hội hóa giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy được đẩy mạnh đã góp phần hình thành một số cơ sở giáo dục hiện đại. Đến cuối năm 2023, tỷ lệ phòng học kiên cố hóa đạt 74,69%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 60,92%; toàn tỉnh có 1.006 trường học từ mầm non đến THPT với 15.424 lớp học (*trong đó có 329 trường mầm non, 376 trường tiểu học, 241 trường THCS, 60 trường THPT*); có 01 trung tâm tỉnh và 15 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện; 04 trường trung cấp, 08 trường cao đẳng, 02 trường đại học và 02 phân hiệu trường đại học. Hàng năm, số học sinh, sinh viên ra trường khoảng 4.000 học sinh, sinh viên/năm, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, khu vực Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia... Trong những năm qua tỉnh luôn có học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế hàng năm và thuộc top dẫn đầu các tỉnh khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên về thành tích cao. Năm học 2022 - 2023, học sinh Đắk Lắk tiếp tục duy trì thành tích cao trong vị trí top đầu khu vực, với 37 giải (5 giải Nhì, 13 giải Ba, 19 giải Khuyến khích); đạt thành cao trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp quốc gia (năm học 2021-2022 có 01 dự án giải nhất cấp quốc gia, được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn là 1/7 dự án tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế); Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp”

(năm học 2021- 2022 có 01 dự án giải Ba; năm học 2012-2023, có 3/3 dự án đạt giải quốc gia (01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba), Đắk Lắk là đơn vị có thành tích tốt nhất Ngày hội khởi nghiệp quốc gia lần thứ V (khối phổ thông),...

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường, ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong khám, chữa bệnh. Mạng lưới y tế tục được đầu tư, củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư ngày càng hiện đại. Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên; Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh; Bệnh viện Nhi Đức Tâm; Bệnh viện Mắt Tây Nguyên; Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột là những cơ sở y tế hiện đại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho bệnh nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng, các tỉnh Tây Nguyên nói chung. Bên cạnh đó, tỉnh đã cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai một số dự án lớn, phấn đấu hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2025, như: Dự án Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ (Quy mô 500 giường bệnh); Dự án Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên (Quy mô 400 giường bệnh). Đến nay, có 28,5 giường bệnh/1 vạn dân; 7,5 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,8%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 92,7%; có 50% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; 100% số xã có trạm y tế

phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh của từng địa bàn; các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em - kế hoạch hóa gia đình, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng; công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh COVID-19 được triển khai chủ động, đồng bộ, quyết liệt, đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đang triển khai các thủ tục để triển khai thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Lắk với tổng mức đầu tư 286 tỷ đồng (thuộc Chương trình phục hồi kinh tế); phối hợp với Bộ Y tế để triển khai Dự án Bệnh viện đa khoa Trung ương khu vực Tây Nguyên...

Công tác đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động được quan tâm; mở rộng hình thức, quy mô và chất lượng đào tạo nghề cơ bản phù hợp với số lượng, chất lượng yêu cầu của các ngành kinh tế, trong đó chú trọng giáo dục nghề nghiệp gắn với xuất khẩu lao động; nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo tiếp tục được đổi mới. Đến nay, số lao động qua đào tạo của tỉnh đạt khoảng 63% so với lực lượng lao động; công tác lao động, việc làm và các chế độ, chính sách giảm nghèo, người có công được triển khai đầy đủ, kịp thời; an sinh xã hội được đảm bảo, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân. Đến năm hết năm 2023, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khoảng 2,45%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn khoảng 01%; tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh

vực nông, lâm nghiệp giảm còn 58%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 21,57%. Đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội được mở rộng và mức hỗ trợ được nâng lên theo đúng quy định của Nhà nước. Các chương trình mục tiêu quốc gia được tập trung triển khai thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch (Giai đoạn 2015 - 2024, tỉnh Đắk Lắk đã huy động, lồng ghép được 39.119,8 tỷ đồng, chiếm 92,7% tổng nguồn lực để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; huy động, lồng ghép được 8.602 tỷ đồng, chiếm 90,95% tổng nguồn lực để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 4.036,185 tỷ đồng (giai đoạn 2021 - 2023 là 1.622,3 tỷ đồng). Các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện, góp phần giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm nhanh; đến cuối năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,15% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025), tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS giảm còn 19,7%.

Việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trên địa bàn tỉnh được quan tâm, đạt nhiều kết quả quan trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục phát triển; có 398.498/463.893 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa (đạt 86%); 1.869/2.199 thôn, buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn

văn hóa (đạt 85%); 1.385/1.477 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa (đạt 92%); các thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các hủ tục lạc hậu gây ảnh hưởng xấu đến đời sống và sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số dần xóa bỏ. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn tỉnh hiện có 43 di tích đã được cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có 02 di tích quốc gia đặc biệt (Di tích lịch sử Nhà đày Buôn Ma Thuột; Di tích lịch sử đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh - Di tích Sêrêpôk), 17 di tích quốc gia, 24 di tích cấp tỉnh và 54 di tích tiềm năng trên địa bàn tỉnh. Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk lưu giữ hơn 40.000 hiện vật có giá trị và hàng ngàn phim ảnh về văn hóa dân tộc, lịch sử, đa dạng sinh học. Toàn tỉnh có 609 buôn đồng bào dân tộc thiểu số, một số buôn còn giữ được nét đặc trưng buôn cổ của các dân tộc. Sau khi được tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại” (tháng 11/2005), công tác bảo tồn di sản văn hóa cồng chiêng đã được quan tâm chú trọng. Theo thống kê tỉnh có khoảng 2.307 bộ chiêng, 3.855 nghệ nhân diễn tấu cồng chiêng; có 2.064 bộ chiêng Êđê, 186 nghệ nhân hát kể sử thi; 253 nghệ nhân kể truyện cổ; 393 nghệ nhân chinh chiêng; 863 nghệ nhân biết lời nói vắn, dân ca, tục ngữ; 635 nghệ nhân truyền dạy cồng

chiêng; 1.270 nghệ nhân diễn tấu nhạc cụ dân tộc (trong đó có 45 nghệ nhân được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân ưu tú”). Bên cạnh đó, tỉnh đã phục dựng nhiều nghi lễ, lễ hội truyền thống gắn với văn hóa cồng chiêng. Công tác quản lý, tổ chức lễ hội chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về tổ chức lễ hội, các lễ hội được tổ chức trang trọng, mang ý nghĩa thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi địa phương; qua số liệu khảo sát, thống kê, tỉnh có trên 70 lễ hội truyền thống thuộc hệ thống nghi lễ, lễ hội vòng đời người và nghi lễ, lễ hội chu kỳ cây nông nghiệp, gắn liền với đời sống sinh hoạt hàng ngày của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ...Một số lễ hội đã được phục hồi, thực sự trở thành ngày hội của cộng đồng, là dịp giao lưu văn hóa, thắt chặt tình đoàn kết các dân tộc và để mọi người có ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa lễ hội, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Hoạt động du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; tỉnh đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiều giải pháp về phát triển du lịch; công tác xúc tiến, quảng bá du lịch được đổi mới, trong đó đã ký kết, hợp tác phát triển du lịch với nhiều tỉnh, thành trong nước. Trên địa bàn tỉnh hiện có 27 khu, điểm du lịch hoạt động hiệu quả, gần 50% tập trung tại thành phố Buôn Ma Thuột. Bên cạnh việc thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào du lịch cảnh quan và nghỉ dưỡng, đã

hình thành một số khu du lịch trọng điểm tại thành phố, đưa vào thử nghiệm thành công và triển khai các tour du lịch đặc thù như tour “*du lịch cà phê*”, “*du lịch trải nghiệm*”, bước đầu tạo sự kết nối với các khu, điểm du lịch trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực. Bên cạnh đó, tỉnh đã đầu tư, nâng cấp nhiều công trình hạ tầng phục vụ trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt phát triển cơ sở lưu trú du lịch, nâng cao các dịch vụ lưu trú du lịch. Các Lễ hội văn hóa, đặc biệt là Lễ hội cà phê, Lễ hội văn hóa công chiêng được khai thác hiệu quả, góp phần quảng bá nét đặc trưng của tỉnh, đã thu hút được lượng lớn khách đến tỉnh Đắk Lắk tham quan, du lịch, góp phần làm tăng doanh thu từ du lịch. Tổng doanh thu du lịch năm 2016 đạt 480 tỷ đồng, đến năm 2024 ước đạt 950 tỷ đồng.

Công tác phát triển thể thao, đặc biệt là thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên môn. Tỉnh đã phối hợp thực hiện và đăng cai tổ chức thành công nhiều giải thể thao có quy mô toàn quốc và quốc tế được tổ chức tại tỉnh và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các giải thể thao quần chúng và các giải thể thao thành tích cao...Hoạt động thể dục, thể thao càng ngày càng phát triển sâu rộng trong cộng đồng, tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng dần qua các năm. Đến năm 2024, tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của tỉnh đạt 33,5%; tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 19,9%, tỷ lệ trường học đảm bảo giáo dục thể chất đạt 100%. Công tác

huấn luyện vận động viên, các đội tuyển và đội năng khiếu của tỉnh được chú trọng, kết quả thi đấu thể thao thành tích cao đã từng bước nâng cao vị thế của tỉnh, số vận động viên đạt giải quốc gia, giải quốc tế ngày càng nhiều.

Việc triển khai các chương trình, chính sách dân tộc được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, thực hiện kịp thời; đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được cải thiện; tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định. Hoạt động của các tôn giáo cơ bản diễn ra bình thường, ổn định theo hướng tích cực. Các tôn giáo tăng cường hợp tác với chính quyền để giải quyết các vấn đề liên quan tín ngưỡng, tôn giáo. Đại đa số chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành các quy định của pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của tỉnh. Các cấp chính quyền luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để các tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị được củng cố, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng, đạt nhiều kết quả tích cực

Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân tiếp tục được quan tâm củng cố vững mạnh. Tỉnh đã triển khai toàn diện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh trong lãnh đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoàn

thành tốt các đợt diễn tập khu vực phòng thủ; công tác tuyển quân, tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng đảm bảo chỉ tiêu, chặt chẽ; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được chú trọng. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội có nhiều tiến bộ, góp phần ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Công tác tuyên truyền về bảo vệ biên giới được đẩy mạnh, công tác phân giới cắm mốc đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra. Các hoạt động đối ngoại của tỉnh cơ bản đã triển khai một cách chủ động, tích cực và đạt được những kết quả nhất định, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình hoạt động đối ngoại đề ra, tạo được bước chuyển biến quan trọng về nhận thức ở các cấp, các ngành và Nhân dân về tầm quan trọng của công tác đối ngoại trong thời kỳ mới. Hiện nay ngoài việc tổ chức ký kết chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương trong nước, tỉnh đã mở rộng hợp tác với nhiều địa phương nước ngoài như tỉnh Mondulkiri - Vương quốc Campuchia, 4 tỉnh phía Nam - CHDCND Lào (Chămpasāk, Sê Kông, Attapư, Salavan); thiết lập quan hệ mới với tỉnh Jeollabuk - Hàn Quốc, tỉnh Orkhon/Mông Cổ, thành phố Goulburn/Úc; tiếp tục xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác với thành phố Sakai/Nhật Bản trên các lĩnh vực hợp tác phát triển giáo dục, nông nghiệp, cơ khí, văn hóa, công nghệ, thương mại, đầu tư...qua đó, đã góp phần đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ cho mục tiêu xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên

Trên cơ sở tổng kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm qua 120 năm xây dựng và phát triển, nhất là sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo; phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, vị trí chiến lược quan trọng, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã và đang tiếp tục đồng lòng, quyết tâm thực hiện hóa khát vọng xây dựng, phát triển Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên.

Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả 6 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra, gắn với các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Trung ương, của tỉnh về xây dựng Đảng, củng cố quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Trọng tâm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về *“Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*; Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ *“Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”*, tạo sự bứt phá, đưa nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng mạnh mẽ, phát triển nhanh và bền vững trên chặng

đường mới, quyết tâm thuộc nhóm 25 tỉnh đứng đầu cả nước vào năm 2050. Gắn nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, phát triển du lịch, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của tỉnh; nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa cấp tỉnh; tăng cường đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu, hoạt động “*diễn biến hoà bình*”, “*bạo loạn lật đổ*” của các thế lực thù địch. Đồng thời, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế thông qua các chương trình, dự án hợp tác cụ thể, thiết thực; đẩy mạnh tổ chức hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực trong quan hệ với các đối tác để tranh thủ nguồn lực, tiếp thu tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.